



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2024

**TÓM TẮT CÁC ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025
CỦA TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7411/BNV-CQĐP ngày 18/12/2023; Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bến Tre, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xây dựng Tóm tắt Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

1. Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC), tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã như sau:

1.1. Tiêu chuẩn của xã

- a) Quy mô dân số: từ 8.000 người trở lên.
- b) Diện tích tự nhiên: từ 30 km² trở lên.

1.2. Tiêu chuẩn của phường

- a) Quy mô dân số: từ 7.000 người trở lên.
- b) Diện tích tự nhiên: từ 5,5 km² trở lên.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: đảm bảo cân đối thu chi ngân sách (đủ); tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 03 năm gần nhất đạt bình quân của thành phố; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 80% trở lên.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị: đạt 10/13 tiêu chuẩn trở lên đối với tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

1.3. Tiêu chuẩn của thị trấn

a) Quy mô dân số: từ 8.000 người trở lên.

b) Diện tích tự nhiên: từ 14 km² trở lên.

c) Phạm vi toàn thị trấn phải được công nhận là đô thị loại IV hoặc loại V.

d) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: đảm bảo cân đối thu chi ngân sách (đủ); tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 03 năm gần nhất đạt bình quân của huyện; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 65% trở lên.

2. Quy định về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025

Các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 gồm:

- ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn. Cụ thể:

+ Xã có diện tích tự nhiên dưới 21 km² và quy mô dân số dưới 5.600 người.

+ Phường có diện tích tự nhiên dưới 3,85 km² và quy mô dân số dưới 4.900 người.

+ Thị trấn có diện tích tự nhiên dưới 9,8 km² và quy mô dân số dưới 5.600 người.

- ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn. Cụ thể:

+ Xã có diện tích tự nhiên dưới 6 km² và quy mô dân số dưới 24.000 người.

+ Phường có diện tích tự nhiên dưới 1,1 km² và quy mô dân số dưới 21.000 người.

+ Thị trấn có diện tích tự nhiên dưới 2,8 km² và quy mô dân số dưới 24.000 người.

3. Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp

ĐVHC cấp xã sau sắp xếp phải đảm bảo các tiêu chuẩn như sau:

- Phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định (tại mục 1), trừ trường hợp nhập từ 03 ĐVHC cùng cấp trở lên.

Trường hợp đã thực hiện sắp xếp với ĐVHC liền kề nhưng do có các yếu tố đặc thù về văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, cộng đồng dân cư, điều kiện địa lý tự nhiên nên không thể nhập, điều chỉnh thêm với ĐVHC cùng cấp khác dẫn đến ĐVHC hình thành sau sắp xếp không đạt đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định thì ĐVHC sau sắp xếp phải đạt điều kiện sau đây: *ĐVHC cấp xã có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn, tiêu chuẩn còn lại phải đạt từ 70% trở lên tiêu chuẩn* (tại mục 1).

- Đối với sắp xếp phường, thị trấn:

+ Phường hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo mục 1.2 (điểm c và d).

+ Thị trấn hình thành sau sắp xếp phải đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị theo mục 1.3 (điểm c và d).

4. Các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bến Tre

4.1. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: có 12 ĐVHC cấp xã (08 xã, 03 phường, 01 thị trấn). Trong đó:

a) ĐVHC cấp xã có đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn có 06 đơn vị, gồm:

- Thị trấn Châu Thành, xã An Hóa, xã An Phước, huyện Châu Thành;
- Xã Phú Vang, xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại;
- Xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri.

b) ĐVHC cấp xã có đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn, có 06 đơn vị, gồm:

- Phường An Hội, Phường 4, Phường 5, xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre;
- Xã Phú An Hòa, xã Sơn Hòa, huyện Châu Thành.

4.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: có 02 đơn vị, gồm:

- Xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre: Do được quy hoạch phát triển thành ĐVHC đô thị trong giai đoạn 2023 - 2030 (phát triển thành phường), có diện tích tự

nhiên và quy mô dân số cơ bản đạt tiêu chuẩn của phường theo quy định (căn cứ điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15)

- Xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại: Là xã đảo, có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liền kề (căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15)

5. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bến Tre

Huyện Châu Thành

5.1. Nhập xã Phú An Hòa, xã An Phước và xã An Hóa

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Phú An Hòa (có diện tích tự nhiên là 5,66 km², quy mô dân số là 6.542 người), xã An Phước (có diện tích tự nhiên là 6,45 km², quy mô dân số là 5.259 người) và xã An Hóa (có diện tích tự nhiên là 3,98 km², quy mô dân số là 5.314 người).

Sau sắp xếp, xã An Phước (mới) có diện tích tự nhiên 16,09 km², đạt 53,63% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 17.115 người, đạt 213,94% so với tiêu chuẩn.

5.2. Nhập xã Sơn Hòa, xã An Hiệp và xã Tường Đa, huyện Châu Thành

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Sơn Hòa (có diện tích tự nhiên là 5,81 km²; quy mô dân số là 6.202 người), xã An Hiệp (có diện tích tự nhiên là 7,28 km², quy mô dân số là 7.069 người) và xã Tường Đa (có diện tích tự nhiên là 9,51 km², quy mô dân số là 7.132 người).

Sau sáp nhập, xã Tường Đa (mới) có diện tích tự nhiên là 22,60 km², đạt 75,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 20.403 người, đạt 255,01% so với tiêu chuẩn.

5.3. Nhập xã An Khánh vào thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã An Khánh (có diện tích tự nhiên là 11,93 km², quy mô dân số là 11.486 người) vào thị trấn Châu Thành (có diện tích tự nhiên là 3,11 km², quy mô dân số là 4.118 người).

Sau khi sắp xếp, thị trấn Châu Thành (mới) có diện tích tự nhiên 15,04 km², đạt 107,41% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số trên 15.604 người, đạt trên 195,05% so với tiêu chuẩn.

Huyện Bình Đại

5.4. Nhập xã Phú Vang vào xã Lộc Thuận

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Vang (có diện tích tự nhiên là 10,30 km², quy mô dân số là 5.332 người) vào xã Lộc Thuận (có diện tích tự nhiên là 11,75 km², quy mô dân số là 8.692 người).

Sau khi sắp xếp, xã Lộc Thuận (mới) có diện tích tự nhiên là 22,05 km², đạt 73,51% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 14.024 người, đạt 175,30% so với tiêu chuẩn.

Huyện Ba Tri

5.5. Nhập xã Tân Mỹ vào xã Mỹ Hòa

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Tân Mỹ (có diện tích tự nhiên là 13,10 km², quy mô dân số là 3.536 người) vào xã Mỹ Hòa (có diện tích tự nhiên là 16,22 km², quy mô dân số là 8.934 người).

Sau khi sắp xếp, xã Mỹ Hòa (mới) có diện tích tự nhiên 29,32 km², đạt 97,72% so với quy định; quy mô dân số là 12.470 người, đạt 155,87% so với quy định.

Thành phố Bến Tre

5.6. Nhập Phường 4, Phường 5 vào phường An Hội

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 4 (có diện tích tự nhiên là 0,395 km², quy mô dân số là 5.768 người) và toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 5 (có diện tích tự nhiên là 0,49 km², quy mô dân số là 5.935 người) vào phường An Hội (có diện tích tự nhiên là 0,91 km², quy mô dân số là 13.813 người).

Sau khi sắp xếp, phường An Hội (mới) có diện tích tự nhiên là 1,79 km², đạt 32,7% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 25.516 người, đạt 364,5% so với tiêu chuẩn.

6. Phương án tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã doi dư do sắp xếp ĐVHC

6.1. Phương án tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

- Khi hình thành ĐVHC mới, các địa phương sẽ bố trí đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội ở cấp xã.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã sẽ tiếp tục sinh hoạt tại Hội đồng nhân dân cấp xã mới theo Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Khi nhập các ĐVHC cấp xã để hình thành một ĐVHC cùng cấp mới thì tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của ĐVHC mới thực hiện theo quy định tại Điều 134 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện theo quy định tại Thông tri số 08/TT-MTTW-BTT ngày 28/7/2020 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024. Các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được thực hiện theo hướng dẫn thi hành Điều lệ của tổ chức.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và văn bản hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

6.2. Phương án bố trí nhân sự và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã

- Bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo số lượng quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và các văn bản cụ thể hóa của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại ĐVHC mới.

- Đối với số lượng cán bộ dôi dư, thực hiện việc điều chuyển công tác hoặc bố trí thành công chức nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định hoặc chuyển sang cấp phó (đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội). Đối với số lượng công chức dôi dư, thực hiện việc điều chuyển đến các cơ quan, đơn vị khác trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ.

- Bố trí số lượng công chức cấp xã ở ĐVHC mới hợp lý nhằm giải quyết số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư (bố trí nhiều hơn số lượng quy định trong thời gian 5 năm).

- Thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức dôi dư theo quy định.

b) Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

- Bố trí số lượng phù hợp với chức danh theo Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố và lực lượng phụ trách an ninh trật tự, quốc phòng ở cấp xã, ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Hướng dẫn số 305/HD-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư theo quy định.

c) Đối với lực lượng công an cấp xã

Công an tỉnh xây dựng phương án cụ thể để bố trí lực lượng công an chính quy tại cấp xã theo quy định.

d) Đối với người tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở (theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tiếp tục bố trí người tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở tại ĐVHC mới theo số người hiện có của các ĐVHC trước khi sáp nhập.

đ) Đối với viên chức, người lao động tại các Trạm Y tế

Sắp xếp, bố trí lại đội ngũ viên chức, người lao động tại các Trạm Y tế khi thực hiện sắp xếp Trạm Y tế phù hợp với ĐVHC mới.

7. Phương án sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC

Trên cơ sở rà soát số lượng trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp của các địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý trụ sở, tài sản công để các địa phương thực hiện.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị dôi dư do sắp xếp ĐVHC của địa phương theo phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thời hạn hoàn thành sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE